

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **307/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-5-2018

V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai

2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 683/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm; 1965; địa chỉ: 92/3 ấp GH, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Riếp Văn H1, sinh năm: 1960; địa chỉ: ấp GH, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Đỗ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện; vào năm 1985 chị và anh H1 được gia đình tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2002 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Điền, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15-8-2002. Sau khi kết hôn chị và anh H1 cùng làm ăn và sinh sống tại ấp Giang Hà, xã An Điền, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Thời gian chung sống có 02 con chung Đỗ Văn Chí, sinh ngày 13/10/1986 và Riếp Thị Lượm, sinh ngày 09/8/1990. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng mất hạnh phúc xuất phát từ việc anh H1 thường xuyên uống rượu say xỉn rồi đập phá tài sản trong gia đình, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H1 không sửa đổi. Tình trạng này đã kéo dài 03

năm qua. Do không thể tiếp tục chịu đựng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị cũng không còn tình cảm với anh H1 nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: cháu Chí và cháu Luộm đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: chị H trình bày chị và anh H1 có tài sản chung nhưng anh và chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: chị H trình bày chị và anh H1 không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Riếp Văn H1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống chị H và anh H1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã ly thân 03 năm qua. Do đó có căn cứ hôn nhân giữa chị H và anh H1 mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị H thì chị H yêu cầu ly với anh H1, yêu cầu về nuôi con chung nên đây là tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Riếp Văn H1 cư trú tại ấp Giang Hà, xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do đó căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] *Về hôn nhân*: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Đỗ Thị H và anh Riếp Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Điền, huyện Thạnh Phú cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/8/2002. Do đó hôn nhân của chị H và anh H đã hội đủ các qui định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận.

Xét lời trình bày của chị H, nội dung xác minh về tình trạng hôn nhân của chị H và anh H1 thấy rằng hôn nhân của anh chị đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc từ việc anh H thường uống rượu say rồi có hành vi chửi bới, lăng mạ chị. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh không sửa đổi. Mặt khác dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H1 vắng mặt trong các lần Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử điều đó chứng minh anh H1 không có thiện chí, mong muốn hàn gắn đoàn tụ với chị H. Nay chị H có yêu cầu ly hôn, xét mâu thuẫn của vợ chồng hiện nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh H1 là phù hợp

[5] *Về con chung*: 02 con chung Đỗ Văn Chí, sinh ngày 13/10/1986 và Riếp Thị Lượm, sinh ngày 09/8/1990 đã trưởng thành chị H và anh H1 không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị H, anh H1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp qui định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị H. Chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Riếp Văn H1.

Chị H và anh H1 không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*: 02 con chung Đỗ Văn Chí, sinh ngày 13/10/1986 và Riếp Thị Lượm, sinh ngày 09/8/1990 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: chị H và anh H1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0012108 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã An Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Cao Thanh Minh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chót - Dương Văn Hai

Cao Thanh Minh

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh